

23/10

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số 84 /2007/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 149/2003/NĐ-CP ngày 04/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt; Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 148/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 32/2003/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính đối ngoại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi bổ sung một số Điều của Quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng ban hành kèm

theo Quyết định số 91/2005/QĐ-BTC ngày 8/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau :

“Điều 6: Hạch toán đối với các cơ sở kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

Các cơ sở kinh doanh được phép hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng phải thực hiện hạch toán riêng doanh thu, chi phí và thu nhập của hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“1. Cơ sở kinh doanh trò chơi có thưởng thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

2. Các cơ sở kinh doanh trò chơi có thưởng đang thực hiện giao nộp thuế theo Quyết định cụ thể của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì thực hiện theo phương thức giao nộp cụ thể quy định tại Quyết định đó.”

3. Sửa đổi Điều 15 như sau:

“Điều 15: Điều kiện để hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng

Các cơ sở kinh doanh chỉ được tiến hành mua sắm máy chơi trò chơi có thưởng và tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a. Đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng;

b. Đã hoàn thành các hạng mục đầu tư chính được quy định tại Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy đăng ký kinh doanh và hoàn thành các hạng mục của Điểm vui chơi giải trí có thưởng;

c. Đã xây dựng Thể lệ trò chơi có thưởng, trong đó quy định cụ thể về quy mô, chủng loại máy chơi trò chơi có thưởng, hệ thống kiểm soát máy trò chơi có thưởng, cách thức tổ chức của từng trò chơi, tỷ lệ và phương thức trả thưởng, các loại hoá đơn chứng từ, các mẫu và giá trị của đồng tiền quy ước và vật dụng để đựng đồng tiền quy ước.”

4. Sửa đổi Điều 16 như sau:

“Điều 16. Số lượng, chủng loại máy chơi trò chơi có thưởng và điều kiện hoạt động.

1. Đối với cơ sở kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

a. Về số lượng máy: Các cơ sở kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng chỉ được bố trí số máy chơi trò chơi điện tử có thưởng như sau:

- Đối với cơ sở lưu trú du lịch từ 5 sao trở lên: tối đa 100 máy

- Đối với cơ sở lưu trú du lịch 4 sao: tối đa 75 máy

- Đối với cơ sở lưu trú du lịch 3 sao: tối đa 50 máy

b. Về chủng loại máy: Các cơ sở kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng được nhập khẩu và kinh doanh các chủng loại máy theo quy định tại Phụ lục số 1 đính kèm Quyết định này.

2. Điều kiện hoạt động

a. Các chủng loại máy phải có đầy đủ hồ sơ về máy do nhà sản xuất máy cung cấp xác nhận cụ thể về máy, như: tên máy, chủng loại máy, các thông số kỹ thuật của máy (nguyên lý hoạt động, cách thức chơi, tỷ lệ trả thưởng, v.v).

b. Các máy trò chơi có thưởng phải được nhà sản xuất hoặc một tổ chức độc lập có chức năng trong việc kiểm định các loại máy trò chơi điện tử có thưởng kiểm định về chất lượng, các chương trình cài đặt sẵn trong máy và các tính năng khác của máy.

3. Đối với cơ sở kinh doanh trò chơi có thưởng khác

Số lượng và chủng loại máy chơi trò chơi có thưởng (bao gồm máy chơi trò chơi điện tử có thưởng và máy chơi trò chơi có thưởng khác): theo quy định tại Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy đăng ký kinh doanh.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Về nhập khẩu máy và tiến hành hoạt động kinh doanh

1. Sau khi hoàn thành các điều kiện nêu tại Điều 15 Quy chế này, cơ sở kinh doanh thực hiện việc nhập khẩu máy chơi trò chơi có thưởng với số lượng và chủng loại như nêu tại Điều 16 Quy chế này.

2. Việc nhập khẩu máy chơi trò chơi có thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về nhập khẩu.

6. Sửa đổi và bổ sung Điều 19 như sau:

“1. Vi phạm các quy định về thuế và tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Vi phạm về số lượng và chủng loại máy;

3. Vi phạm các quy định khác nêu tại Quy chế này.”

7. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 20 như sau:

“Đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng và xem xét thu hồi Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tái vi phạm.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo, riêng các quy định tại Khoản 2, Điều 1 Quyết định này được áp dụng từ ngày 01/01/2008. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Giám đốc Sở Tài chính và Cục trưởng Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình có

trách nhiệm thi hành và tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này. Các cơ sở kinh doanh và đại diện các Bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh được phép tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Toà án Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp)
- Sở Tài chính, Cục Thuế các tỉnh, thành phố;
- Công báo; Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ TCDN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục số 1: Danh sách máy trò chơi điện tử có thưởng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 84 /2007/QĐ-BTC
ngày 17 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TT	Chủng loại máy	Tỷ lệ máy được phép kinh doanh/tổng số máy tối đa được phép kinh doanh	Số lượng người chơi
1	Máy giặt xèng: - Aruze; Aristocrat - WMS; IGT, Weike	$\leq 100\%$	Được thiết kế để đáp ứng chỉ cho một (01) người chơi.
2	Máy Roulette (tự động hoàn toàn)	$\leq 3\%$	Được thiết kế để đáp ứng cho nhiều người có thể chơi cùng một lúc.
3	Máy Baccarat điện tử (tự động hoàn toàn)	$\leq 3\%$	Được thiết kế để đáp ứng cho nhiều người có thể chơi cùng một lúc.
4	Máy Blackjack điện tử (tự động hoàn toàn)	$\leq 3\%$	Được thiết kế để đáp ứng cho nhiều người có thể chơi cùng một lúc.
5	Máy Sicbo hay Tài Siu (tự động hoàn toàn)	$\leq 3\%$	Được thiết kế để đáp ứng cho nhiều người có thể chơi cùng một lúc.
6	Máy Đua ngựa và máy đánh mạt chược (tự động hoàn toàn)	$\leq 3\%$	Được thiết kế để đáp ứng cho nhiều người có thể chơi cùng một lúc.

Các chủng loại máy nêu trên phải bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 2 Quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 91/2005/QĐ-BTC ngày 8/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.